

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2020
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn
2. Bà Trần Việt Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 444/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nhan Thị Thúy L, sinh năm 1983 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 730, ấp H, xã A, huyện B, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 17, ấp M, xã N, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 15/11/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn - Bà Nhan Thị Thúy L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông N kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh An Giang ngày 28/5/2013.

Sau khi đám cưới bà và ông N lên tỉnh Bình Dương làm công nhân sinh sống. Ông bà chung sống êm ấm được khoảng hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, ông N sinh ra nhậu nhẹt thường xuyên. Mỗi khi có rượu vào thường hay mắng chửi, nhục mạ bà vô cớ, thậm chí đánh đập bà nhiều lần và ngoài ra ông N còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chăm lo đến gia đình vợ con. Từ đó, dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau nữa, giữa ông bà luôn bất hoà, gia đình không còn êm ấm, không có hạnh phúc. Bà và ông N đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Giữa bà và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Tài P, sinh ngày 08/11/2014. Hiện cháu P đang sống với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Nguyễn Văn N: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Phiếu gửi hồ sơ khởi kiện cho bị đơn; Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu của nguyên đơn (Bản photo); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh của cháu P (Bản sao).

- Bị đơn: không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản không lấy được lấy lời khai của ông N ngày 28/02/2020; Phiếu xác minh nơi cư trú của ông N ngày 27/02/2020; Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 28/02/2020.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông N; Về con chung: Bà L được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Tài P, sinh ngày 08/11/2014, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nhan Thị Thuý L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn N do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại số 17, ấp M, xã N, huyện T, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn - Bà L vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/3/2020 phù hợp theo quy định nên được chấp nhận; Bị đơn – Ông N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về phiên đối chất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L và ông N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà L và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa bà L và ông N xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà L nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, ông N sinh ra nhậu nhẹt thường xuyên, mỗi khi có rượu vào thường hay mắng chửi, nhục mạ bà vô cớ, thậm chí đánh đập bà, ngoài ra ông N còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chăm lo đến gia đình vợ con. Bà và ông N đã ly thân

nhau từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Nay bà L kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông N.

Theo Biên xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông N ngày 28/2/2020 (Bút lục 41), Bà Huỳnh Thị C là mẹ ruột của ông N xác định: Hôn nhân giữa bà L và ông N có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới bà L và ông N đi Bình Dương làm công nhân sinh sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông N như bà L trình bày là do ông N nhậu nhẹt, hay đánh đập bà L theo bà biết có sự việc này. Theo bà giữa bà L và ông N khó đoàn tụ vì cả hai đã ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay, ông N có biết việc bà L gửi Đơn ly hôn ở Tòa án nhưng do phải đi làm nên không đến Tòa án theo Thông báo được.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà L và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai vì thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay và trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, bà L được ly hôn với ông N.

2.2 Về con chung: Giữa bà L và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Tài P, sinh ngày 08/11/2014, theo trình bày của bà L và kết quả xác minh từ bà Huỳnh Thị C thì hiện cháu P đang sống với bà L. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung là cháu P cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Bà L phải tạo điều kiện cho ông N trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu nên ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà L xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà L là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà L và ông N có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nhan Thị Thuý L được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 107/2013, quyển số 02/2013 ngày 28/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Tài P, sinh ngày 08/11/2014 cho bà Nhan Thị Thuý L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Phát đủ 18 tuổi.

Bà L phải tạo điều kiện cho ông N trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu nên ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nhan Thị Thuý L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006596 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nhan Thị Thuý L và ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- UBND xã Long Điền A;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh